

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2010
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2010**

TP. Hà Nội, tháng 8 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 -23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Hội Đồng Quản trị:

Ông Đỗ Văn Trắc	Chủ tịch
Ông Trần Tùng Lâm	Thành viên
Ông Ngô Duy Du	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Đức	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Tùng Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Vũ Thương	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Trần Tùng Lâm
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, Ngày 12 tháng 08 năm 2010

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long

Comment [t1]: Tiêu đề Báo cáo phải phù hợp với VSA700

Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 được lập ngày 12 tháng 08 năm 2010 từ trang 5 đến 23 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tuy nhiên công việc soát xét Báo cáo tài chính bị ảnh hưởng bởi các hạn chế sau:

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty do Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY phát hành có ý kiến ngoại trừ về nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình tại ngày 01 tháng 01 năm 2009 và ảnh hưởng của chúng đến số liệu tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Giá trị thành phẩm tồn kho, hàng gửi đi bán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 được đánh giá theo giá gốc, vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được. Theo chúng tôi, nếu hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được như yêu cầu của Chuẩn mực kế toán hàng tồn kho thì giá trị thành phẩm và hàng gửi bán phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 sẽ thấp hơn thực tế số tiền khoảng 1,3 tỷ đồng, thu nhập thuần và nguồn vốn chủ sở hữu sẽ bị giảm đi số tiền tương ứng.

Do hạn chế trong việc cung cấp tài liệu liên quan đến định mức chi phí sản xuất và thống kê tại xưởng nên chúng tôi chưa đủ cơ sở để đánh giá việc xác định giá thành sản phẩm của Công ty.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan.

Lê Xuân Thắng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV

Ngày 20 tháng 08 năm 2010

Phạm Tiến Dũng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102.464.889.664	67.217.358.726
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		36.370.247	1.688.752.545
1. Tiền	111	V.01	36.370.247	1.688.752.545
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71.575.852.993	39.178.769.365
1. Phải thu khách hàng	131		37.674.590.810	7.715.645.810
2. Trả trước cho người bán	132		1.801.371.565	172.133.988
5. Các khoản phải thu khác	135	V.02	32.099.890.618	31.290.989.567
IV. Hàng tồn kho	140		26.822.471.138	24.437.042.816
1. Hàng tồn kho	141	V.03	26.822.471.138	24.437.042.816
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.030.195.286	1.912.794.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		983.278.062	-
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154	V.04	1.052.616.368	1.052.616.368
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.994.300.856	860.177.632
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		123.218.236.498	124.021.686.884
II. Tài sản cố định	220		12.561.667.662	13.476.945.961
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	12.543.667.661	13.458.279.294
- Nguyên giá	222		42.242.716.627	41.998.828.274
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.699.048.966)	(28.540.548.980)
3. Tài sản cố định vô hình	227		18.000.001	18.666.667
- Nguyên giá	228		20.000.000	20.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.999.999)	(1.333.333)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.06	109.929.815.974	109.929.815.974
1. Đầu tư vào công ty con	251		20.000.000.000	20.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		89.929.815.974	89.929.815.974
V Tài sản dài hạn khác	260		726.752.862	614.924.949
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	726.752.862	614.924.949
TỔNG TÀI SẢN	270		225.683.126.162	191.239.045.610

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		55.806.346.721	10.800.823.217
I. Nợ ngắn hạn	310		55.806.346.721	10.800.823.217
2. Phải trả cho người bán	312		49.288.721.947	4.147.209.751
3. Người mua trả tiền trước	313		1.183.090.180	881.032.225
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	1.690.205.475	1.975.459.576
5. Phải trả người lao động	315		222.413.008	167.638.781
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.09	3.180.719.966	3.375.686.739
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		241.196.145	253.796.145
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		169.876.779.441	180.438.222.393
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	169.876.779.441	180.438.222.393
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		91.000.000.000	91.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.718.534.049	11.718.534.049
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(32.841.754.608)	(22.280.311.656)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		225.683.126.162	191.239.045.610

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
Ngoại tệ các loại + USD			1.290	1.297

Trần Tùng Lâm
Tổng Giám đốc
TP. Hà Nội,
Ngày 12 tháng 08 năm 2010

Nguyễn Thanh Đăng
Kế toán trưởng

Đào Huy Anh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	57.875.893.650
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		57.875.893.650
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	65.995.603.772
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(8.119.710.122)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		20.115.150
7. Chi phí tài chính	22		29.549.623
<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>	23		-
8. Chi phí bán hàng	24		952.269.209
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.480.394.148
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10.561.807.952)
11. Thu nhập khác	31		365.000
12. Chi phí khác	32		-
13. Lợi nhuận khác	40		365.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10.561.442.952)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(10.561.442.952)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm			10.000.000
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(1.056)

Trần Tùng Lâm
Tổng Giám đốc
TP. Hà Nội,
Ngày 12 tháng 08 năm 2010

Nguyễn Thanh Đăng
Kế toán trưởng

Đào Huy Anh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1	2	3
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	(10.561.442.952)
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.159.166.652
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(9.402.276.300)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(34.514.484.914)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.385.428.322)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	45.018.123.504
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(111.827.913)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(12.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.408.493.945)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(243.888.353)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(243.888.353)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.652.382.298)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.688.752.545
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	36.370.247

Trần Tùng Lâm
Tổng Giám đốc
TP. Hà Nội,
Ngày 12 tháng 08 năm 2010

Nguyễn Thanh Đăng
Kế toán trưởng

Đào Huy Anh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN CHUNG****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 0303000149 ngày 18/03/2004 và đã đăng ký thay đổi lần thứ bảy vào ngày 19/02/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 100.000.000.000 đồng chia thành 10.000.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu viễn thông (Sacom) góp 15.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 15%, các cổ đông khác góp 85.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 85% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Thôn La Dương, xã Dương Nội, Thị xã Hà Đông, Hà Nội.

Văn phòng đại diện: Bưu cục Mỹ Đình 2 đường Nguyễn Cơ Thạch, Từ Liêm, Hà Nội.

Công ty có Công ty con là Công ty Cổ Phần Cấp Thăng Long (chuyển đổi từ Công ty TNHH Cấp Thăng Long từ ngày 29/01/2010).

Địa chỉ Công ty con: Đường B1, Khu B, Khu Công Nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: sản xuất, thương mại

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu điện dân dụng;
- Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại;
- Xây dựng các công trình dân dụng, lắp đặt công trình viễn thông;
- Thiết kế vô tuyến điện: đối với công trình thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Các Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng), ký hiệu quốc tế là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng, phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh tại đơn vị.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán chủ yếu được doanh nghiệp áp dụng để lập báo cáo tài chính như sau:

1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định về kế toán hiện hành tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: bao gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

Các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo quý.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho tại thời điểm kết thúc năm tài chính được thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khi giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc hàng tồn kho, theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá. Trong Bảng Cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Cụ thể:

	<u>Số năm sử dụng</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ văn phòng	8

5. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là Phần mềm máy vi tính trị giá 20.000.000 đồng, được trích khấu hao trong thời gian 5 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính*Công ty con*

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc được qui định trong Chuẩn mực Kế toán số 25 - Báo cáo tài chính và các khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính .

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo**Các khoản đầu tư chứng khoán*

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được phản ánh trong báo cáo tài chính riêng của doanh nghiệp theo giá gốc. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty con được lập trên cơ sở hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn: được ghi nhận theo giá gốc. Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư ngắn hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc thì lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn. Việc trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ tài chính về việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng. Theo thông tư này, tại ngày 30/06/2010, Công ty không có các khoản đầu tư nào đủ điều kiện trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đầu tư xây dựng, hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện được quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, Công ty không phát sinh chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được vốn hoá.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh liên quan đến nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Được ghi nhận khi các khoản chi phí thực tế chưa phải trả nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và số vốn được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế trong quá trình hoạt động.

Thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu lần đầu và phát hành bổ sung.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái: Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào doanh thu, chi phí hoạt động tài chính, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được xử lý theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (lãi hoặc lỗ tỷ giá) của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động, chưa hoàn thành đầu tư). Chênh lệch tỷ giá phát sinh đối với trường hợp vừa có hoạt động xây dựng cơ bản, vừa có hoạt động kinh doanh thì không ghi nhận chênh lệch tỷ giá mà hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc bán cấp đồng, cáp quang và một số nguyên liệu, phế liệu. Doanh thu được ghi nhận khi hàng hoá được giao cho khách hàng, đã có biên bản giao hàng hóa, đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Việc ghi nhận doanh thu bán hàng tuân thủ đầy đủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”. Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Việc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính có tuân thủ đầy đủ 02 điều kiện ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi không kỳ hạn được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính là lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện trong kỳ và được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa tỷ giá ghi sổ của khoản phải trả nhà cung cấp với tỷ giá ngày thanh toán.

Chi phí tài chính phát sinh trong kỳ được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh (không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 25%.

Công ty xác định thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đầu ra là 10% cho tất cả các mặt hàng kinh doanh. Các khoản thuế và lệ phí khác phải nộp theo qui định hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	4.820.278	43.729.054
Tiền gửi ngân hàng	31.549.969	1.645.023.491
Tiền gửi ngân hàng VND	9.339.130	1.622.812.652
+ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	1.872.655	331.946.323
+ Ngân hàng Công thương Việt Nam	1.406.791	1.406.791
+ Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn VN	1.630.605	1.630.605
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín	3.034.296	3.034.296
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt	1.171.167	1.171.167
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	223.616	1.283.623.470
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ	22.210.839	22.210.839
+ USD gửi Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	22.210.839	22.210.839
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	36.370.247	1.688.752.545

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu người lao động	40.679.368	40.679.368
Phải thu khác	32.059.211.250	31.250.310.199
+ Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long vay vốn tạm thời (*)	31.703.597.792	30.836.645.792
+ Phải thu khác	355.613.458	413.664.407
Cộng	32.099.890.618	31.290.989.567

(*): Khoản cho vay vốn tạm thời không tính lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. Hàng tồn kho

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu (*)	17.198.251.157	19.257.724.658
Công cụ, dụng cụ	143.693.988	145.265.117
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.302.316.075	801.686.790
Thành phẩm	3.617.180.383	2.699.840.190
Hàng hóa	64.583.964	47.435.050
Hàng gửi đi bán (**)	2.496.445.571	1.485.091.011
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	26.822.471.138	24.437.042.816

(*): Giá trị nguyên vật liệu chậm luân chuyển trên 1 năm: 12.066.834.152 VND.

(**): Phản ánh giá trị hàng hoá, thành phẩm đã giao đến chân công trình cho khách hàng nhưng chưa thực hiện thủ tục nghiệm thu.

4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.052.616.368	1.052.616.368
Cộng	1.052.616.368	1.052.616.368

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONGThôn La Dương, xã Dương Nội,
Thị xã Hà Đông, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010
đến ngày 30 tháng 06 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Tài sản cố định hữu

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	3.318.906.786	34.284.849.114	3.210.016.382	1.185.055.992	41.998.828.274
Số tăng trong kỳ	-	229.354.717	-	14.533.636	-
- Mua trong năm	-	193.142.925	-	14.533.636	207.676.561
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	36.211.792	-	-	36.211.792
Tại ngày 30/06/2010	3.318.906.786	34.514.203.831	3.210.016.382	1.199.589.628	42.242.716.627
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	1.179.821.198	26.089.649.865	1.082.821.807	188.256.110	28.540.548.980
Số tăng trong kỳ	66.576.000	921.981.986	160.472.000	9.470.000	1.158.499.986
- Khấu hao trong kỳ	66.576.000	921.981.986	160.472.000	9.470.000	1.158.499.986
Tại ngày 30/06/2010	1.246.397.198	27.011.631.851	1.243.293.807	197.726.110	29.699.048.966
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	2.139.085.588	8.195.199.249	2.127.194.575	996.799.882	13.458.279.294
Tại ngày 30/06/2010	2.072.509.588	7.502.571.980	1.966.722.575	1.001.863.518	12.543.667.661

Nguyên giá TSCĐ đến ngày 30/06/2010 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.698.022.251 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	20.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	89.929.815.974	89.929.815.974
- Đầu tư trái phiếu	10.000.000	10.000.000
- Cho vay dài hạn	89.919.815.974	89.919.815.974
Cộng	109.929.815.974	109.929.815.974

“Cho vay dài hạn”: là khoản cho công ty Cổ phần Cấp Thăng Long (Công ty con) vay theo hợp đồng tín dụng ngày 20/02/2007. Hợp đồng này không quy định cụ thể số tiền vay mà căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên, số tiền cụ thể được tính căn cứ vào phiếu chi, uỷ nhiệm chi của Công ty. Lãi vay là 0,95%/tháng. Mục đích của khoản cho vay là để Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long thực hiện đầu tư dây chuyền sản xuất cấp. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày cấp vốn đầu tiên. Ngày 29/01/2010, hai bên ký phụ lục hợp đồng số 01/PLHD trong đó sửa đổi điều khoản về lãi suất cho vay và thời hạn hợp đồng, theo đó khoản vay này **không tính lãi kể từ ngày 01/01/2010**, thời hạn vay từ 2 đến 5 năm, Công ty sẽ thông báo lịch trả nợ cho Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long trước 3 tháng khi có nhu cầu thu hồi khoản vay.

7. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ có giá trị lớn	238.793.567	209.250.043
Chi phí sửa chữa tài sản, chi phí khác	487.959.295	405.674.906
Cộng	726.752.862	614.924.949

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.648.935.593	1.612.014.112
Thuế thu nhập cá nhân	41.269.882	62.987.168
Các loại thuế khác	-	300.458.296
Cộng	1.690.205.475	1.975.459.576

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quyết định đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế phải nộp được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	7.370.075	56.375.303
Bảo hiểm xã hội	156.298.455	4.280.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.017.051.436	3.315.031.436
+ <i>Phải trả cổ tức</i>	<i>3.002.982.836</i>	<i>3.010.962.836</i>
+ <i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>14.068.600</i>	<i>304.068.600</i>
Cộng	3.180.719.966	3.375.686.739

10. Vốn chủ sở hữu

10.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	100.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

10.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

10.3 Cổ phiếu

	30/06/2010	01/01/2010
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Doanh thu bán thành phẩm	52.613.572.380
Doanh thu bán nguyên liệu, vật liệu	5.262.321.270
Tổng cộng	57.875.893.650

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	60.690.655.512
Giá vốn của nguyên liệu, vật liệu đã bán	5.304.948.260
Cộng	65.995.603.772

3. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	44.698.430.072
Chi phí nhân công	1.728.664.326
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.198.635.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.222.445.534
Chi phí khác bằng tiền	852.784.936
Cộng	49.700.960.520

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONGThôn La Dương, xã Dương Nội
Thị xã Hà Đông, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010
đến ngày 30 tháng 06 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. Thông tin về các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty có phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long (Công ty con) như sau:

Nội dung	Số tiền VND
Mua mua cáp quang và nguyên liệu sản xuất cáp đồng(*)	62.814.120.203
Trả tiền mua nguyên liệu, hàng hoá	25.717.000.000
Doanh thu bán nguyên liệu sản xuất cáp quang	462.573.605
Thu và nhận ứng trước tiền bán vật tư sản xuất cáp quang	1.011.000.000
Cho vay vốn lưu động	1.820.000.000
Nhận lại tiền cho vay vốn lưu động	705.000.000

(*): Tổng giá trị hàng mua chưa thuế là 54.934.471.539 VND, chiếm tỷ lệ 84% trong tổng số hàng tồn kho nhập mua trong kỳ.

Tại ngày 30/06/2010, số dư với Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long như sau:

Nội dung	Số tiền VND
Phải trả tiền mua nguyên liệu sản xuất cáp đồng và mua cáp quang	37.542.929.846
Ứng trước tiền mua vật tư sản xuất cáp quang	1.052.113.620
Phải thu tiền vay vốn lưu động	31.703.597.792
Phải thu tiền cho vay vốn dài hạn	89.929.815.974

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY sau đó được điều chỉnh hồi tố cho các sai sót trọng yếu. Một số số liệu được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số kỳ này. Công ty không lập Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009 nên không có số liệu so sánh đối với Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các sai sót trọng yếu năm 2009 được điều chỉnh hồi tố vào số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính kỳ này:

Nội dung sai sót	Số tiền VND
- Chưa hạch toán tiền nộp phạt thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp	149.022.024
- Chưa phân bổ chi phí trả trước dài hạn đối với các khoản chi phí phục vụ dự án tại Triều Tiên, chi phí khác.	475.573.817
- Chưa hạch toán chi phí đại hội cổ đông thường niên, chi phí kiểm toán năm 2009	110.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các sai sót này làm cho Báo cáo tài chính năm 2009 bị ảnh hưởng như sau:

Chỉ tiêu trên Báo cáo	Ảnh hưởng của các sai sót VND
Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2009	
Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm	585.573.817
Chi phí khác giảm	149.022.024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng	734.595.841
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009	
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước giảm	35.708.071
Các khoản thuế phải thu Nhà nước tăng (thuế TNDN nộp thừa)	113.313.953
Chi phí trả trước dài hạn tăng	475.573.817
Công nợ phải trả cho người bán giảm	110.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng	734.595.841

Số liệu Báo cáo của các chỉ tiêu trên trước điều chỉnh và sau điều chỉnh:

Chỉ tiêu trên Báo cáo	Trước điều chỉnh VND	Sau điều chỉnh VND
Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2009		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.244.514.035	42.244.514.035
Giá vốn hàng bán	41.281.630.065	41.281.630.065
Doanh thu hoạt động tài chính	3.452.307.017	3.452.307.017
Chi phí hoạt động tài chính	21.913.298	21.913.298
Chi phí bán hàng	719.805.415	719.805.415
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.324.951.465	3.910.525.282
Thu nhập khác	95.391.726	95.391.726
Chi phí khác	1.399.175	150.421.199
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	442.513.360	(292.082.481)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	442.513.360	(292.082.481)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	44	(29)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009		
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	1.939.751.505	1.975.459.576
Các khoản thuế phải thu Nhà nước	1.165.930.321	1.052.616.368
Chi phí trả trước dài hạn	1.090.498.766	614.924.949
Công nợ phải trả cho người bán	4.037.209.751	4.147.209.751
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(21.545.715.815)	(22.280.311.656)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Theo thông báo số dư công nợ còn phải thu Công ty của Công ty Cổ phần Trường Phú, khoản lãi phạt do chậm trả Công ty còn phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Trường Phú là 10.489,61 USD; tuy nhiên Công ty không chấp nhận khoản lãi phạt này, đến thời điểm phát hành báo cáo này các bên vẫn chưa thống nhất vấn đề trên.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 11 tháng 08 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 thông qua đơn từ nhiệm của đa số thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát mới như sau:

Hội Đồng Quản trị:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch
Ông Trần Tùng Lâm	Thành viên
Ông Tetsuji Nagata	Thành viên
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Thành viên
Ông Trịnh Văn Quảng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Thành viên

Cũng tại Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2010, thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ cho cổ đông chiến lược chủ yếu thuộc tập đoàn Alphanam và quỹ East Wing Asset Management Corporation (Nhật Bản) với mục đích bổ sung vốn lưu động. Cụ thể như sau:

Loại cổ phần phát hành	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/ cổ phần
Số lượng cổ phần phát hành	3.900.000 cổ phần
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	39.000.000.000 đồng
Giá chào bán	10.000 đồng/ cổ phần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Mặc dù lỗ lũy kế tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 là tương đối lớn 32.841.754.608 đồng nhưng Ban Giám đốc Công ty đảm bảo khả năng hoạt động liên tục trong tương lai gần có thể dự đoán được (tối thiểu 1 năm) do đó các tài sản và nợ phải trả được ghi nhận dựa trên cơ sở Công ty có khả năng thực hiện giá trị các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong điều kiện kinh doanh bình thường.

6. Những thông tin khác

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 về việc sáp nhập Công ty TNHH Cấp Thăng Long vào Công ty cổ phần Viễn thông Thăng Long, thời điểm sáp nhập là 0h ngày 01/01/2010, Công ty đã thuê Công ty Luật Biên Bắc tư vấn về thủ tục pháp luật sáp nhập hai Công ty. Hiện nay Công ty đang thực hiện các bước chuyển đổi. Về số liệu sáp nhập cần phải đợi việc kiểm tra và quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Trong tháng 7, tháng 8 năm 2010, Công ty đang tạm ngừng sản xuất để chuyển toàn bộ dây chuyền thiết bị Nhà máy sản xuất Cấp đồng viên thông tại Dương Nội, Hà Đông sang lắp đặt và sản xuất tại Nhà máy thuộc Khu công nghiệp Phố Nối A, Hưng Yên. Đối với nhà xưởng và Khu đất tại Dương Nội, Hà Đông, Công ty đang xây dựng phương án đầu tư và kinh doanh.

Trần Tùng Lâm
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội,

Ngày 12 tháng 08 năm 2010

Nguyễn Thanh Đăng
Kế toán trưởng

Đào Huy Anh
Người lập